

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 18/3/2020
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích
2. Bà Đoàn Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1997

Hộ khẩu thường trú: Khu vực M2, phường L, Quận N, thành phố T (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú: Khóm K3, phường H, thành phố X, tỉnh G. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự quen biết vào năm 2015, cả hai không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận N, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình, cũng như không có công việc ổn định để lo cho mẹ con chị. Nay, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với anh Nguyễn Thanh T

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016, hiện đang sống cùng với anh T do cháu hiện đang sống ổn định cùng với anh T và bà nội chăm sóc rất tốt nên sau khi ly hôn thì chị đồng ý để cháu Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

- *Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt ngày 27/02/2020 :* Yêu cầu xin vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án do anh phải đi làm không thể nghỉ để tham gia phiên tòa xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án và anh đã có ý kiến trình bày liên quan đến vụ án nên xin được vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 27/02/2020 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập thì anh Nguyễn Thanh T có ý kiến về quan hệ hôn nhân anh thống nhất theo ý kiến trình bày của chị Trần Thị Mỹ D đối với hôn nhân do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn, giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do chị D cự cãi với mẹ ruột của anh và tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại Cần Thơ không tới lui và gửi đơn ly hôn anh tại Tòa án. Do, chị D gửi đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016, hiện đang sống cùng với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, hiện nay anh có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Chị D có yêu cầu thăm con thì anh tạo điều kiện không cấm cản.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có

Đồng thời, anh Nguyễn Thanh T có đơn ngày 27/02/2020 xin vắng mặt không tham dự khi Tòa án tiến hành mời do công việc làm anh không thể tham gia theo giấy mời của tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ D với anh Nguyễn Thanh T, về quan hệ con chung Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016 hiện con chung đang được anh T nuôi dưỡng ổn định nên công nhận sự thỏa thuận của chị D và anh T sau khi ly hôn giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét,

giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn ngày 27/02/2020 yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

[2] *Về thẩm quyền*: Chị Trần Thị Mỹ D khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại phiên tòa, chị Trần Thị Mỹ D có ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Thanh T tự quen biết vào năm 2015, cả hai không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận N, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với gia đình, cũng như không có công việc ổn định để lo cho mẹ con chị và vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành lập biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Thanh T thể hiện nội dung về quan hệ hôn nhân anh T thống nhất với ý kiến trình bày của chị D về thời gian kết hôn cũng như về thời gian vợ chồng sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị D và mẹ ruột của anh T cự cãi với nhau còn giữa vợ chồng không có mâu thuẫn với nhau nhưng hiện nay chị D xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và anh T không yêu cầu tòa án hòa giải hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị D và anh T thống nhất ly hôn, hôn nhân giữa chị D với anh T không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2019 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ D và anh Nguyễn Thanh T.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn chị D và anh T thống nhất vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016, hiện đang sống cùng với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nh chưa thành niên và đang được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu Nh đã ổn định. Giữa chị D, anh T thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là chính đáng, có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc

cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị D không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên anh T xác định không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị D, anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị D phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D đối với anh Nguyễn Thanh T

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ D với anh Nguyễn Thanh T

2. Về nuôi con chung:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Nguyễn Quỳnh Nh, sinh ngày 19/10/2016 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Trần Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không có yêu cầu.

2.3. Anh T phải tạo điều kiện cho chị D trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của

người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Trần Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009824 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 02/01/2020. Chị D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Nguyễn Thanh T không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

Trịnh Ngọc Thúy

